TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2022/DS-ST
Ngày: 14-6-2022
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

2. Ông Lưu Đức Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Tuyết Vân - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2022/QĐST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Thiện N, sinh năm 1992

Địa chỉ thường trú: 391/96 đường P, Phường Đ, Quận B, Tp. H. (có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trần Trương Minh D, sinh năm 1994

Địa chỉ thường trú: 322 R đường H, Phường B, Quận M, Thành phố H. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong kiện đơn khởi ngày 04 tháng 5 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Lê Thiện N trình bày:

Vào ngày 09/3/2020, ông N cho ông Trần Trương Minh D vay số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng. Hai bên có lập hợp đồng vay tiền có công chứng tại phòng công chứng số 7 Thành phố Hồ Chí Minh với thời hạn vay là

hai tháng kể từ ngày hợp đồng được công chứng. Mặc dù đã hết hạn trả nợ nhưng ông D vẫn không trả số tiền 60.000.000 đồng cho ông N nhưng do có sự quen biết, ông D lại hứa trả nợ nên ngày 15/9/2020, ông N tiếp tục cho ông D vay thêm 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng. Sau khi nhận tiền, ông D đã ghi xác nhận số nợ lên 120.000.000 đồng lên mặt sau của tờ giấy hợp đồng vay tiền ngày 09/3/2020 và hứa trả nợ vào ngày 29/12/2020, mỗi tháng trả 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng đến 3 (ba triệu) đồng vào ngày 15 hàng tháng. Nếu ông D trả nợ trước hạn thì ông N chỉ lấy 100.000.000 đồng tiền. Tuy nhiên, khi đến thời hạn trả nợ cho đến nay, ông D vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận.

Ngày 13/6/2022, ông Lê Thiện N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu buộc ông D trả số tiền 60.000.000 đồng đối với giấy nợ ngày 15/9/2020. Ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ 60.000.000 đồng của hợp đồng vay tiền ngày 09/3/2020.

Ngày 13/6/2022, ông Lê Thiện N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Bị đơn ông Trần Trương Minh D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hoà giải cũng như các văn bản tố tụng khác nhưng ông D không nộp tài liệu, chứng cứ cũng như không có văn bản trình bày ý kiến liên quan đến việc giải quyết vụ án vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng và xét xử vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật về tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ giai đoạn thụ lý đến khi nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng, tuy nhiên bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản pháp luật nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay là vi phạm quy định pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 60.000.000 đồng của hợp đồng vay tiền ngày 09/3/2020. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 60.000.000 đồng của ngày 15/9/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa ông N và ông D là "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản". Bị đơn ông Trần Trương Minh D có địa chỉ cư trú tại Quận M, Thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông N.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông D.

Xét việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 60.000.000 đồng trong tờ giấy nợ ghi ngày 15/9/2020 là hợp lệ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Đối với hợp đồng vay tiền ngày 09/3/2020 với số tiền vay là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng là chứng cứ ông N nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu của mình. Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng vay tiền đã được ông N và D ký xác nhận và được chứng thực tại Phòng công chứng số 7 là cơ quan có thẩm quyền chứng nhận tính xác thực của hợp đồng. Ông D cũng đã được tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ. Tuy nhiên, ông D vắng mặt trong quá trình Tòa tiến hành tố tụng và không có văn bản phản đối chứng cứ do ông N đưa ra nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ mà ông N nộp cho Tòa án để xét xử vụ án.

Căn cứ vào hợp đồng vay tiền ngày 09/3/2020 có cơ sở xác định ông Trần Trương Minh D có vay của ông N số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng, ông D phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông N trong thời hạn hai tháng kể từ ngày 09/3/2020. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 26/10/2021, ông N gộp hai số tiền vay của ngày 09/3/2020 và của ngày 15/9/2020 và thỏa thuận lại ngày trả nợ là 29/12/2020. Thỏa thuận này có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận ngày bắt đầu có nghĩa vụ trả nợ của ông D là 29/12/2020.

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn"*. Mặc dù các bên thỏa thuận mỗi tháng ông D có trách nhiệm trả 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng đến 3 (ba triệu) đồng vào ngày 15 hàng tháng, nhưng cho đến nay ông D cũng không thực hiện bất kỳ đợt thanh toán nào là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên việc ông N khởi kiện ông D yêu cầu trả số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện số tiền 60.000.000 đồng trong tờ giấy nợ ghi ngày 15/9/2020.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

Buộc ông Trần Trương Minh D trả cho ông Lê Thiện N số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

Kể từ bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: 3.000.000 (ba triệu) đồng, ông Trần Trương Minh D chịu.

Ông Lê Thiện N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho ông N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 (ba triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0050346 ngày 15/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan